

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Kế hoạch xét tuyển đặc cách viên chức các đơn vị
sự nghiệp cấp huyện và viên chức sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo
huyện Quảng Trạch, năm 2017**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức; Thông tư 16/2012/TT-BNV ngày 28/12/2012 của Bộ Nội vụ ban hành Quy chế thi tuyển, xét tuyển viên chức;

Căn cứ Quyết định số 13/2012/QĐ-UBND, ngày 04 tháng 07 năm 2012 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định phân cấp về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh;

Căn cứ Công văn số 1259/SNV-CCVC ngày 22/8/2017 của Sở Nội vụ tỉnh Quảng Bình về việc thẩm định Kế hoạch xét tuyển đặc cách viên chức sự nghiệp năm 2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nội vụ huyện Quảng Trạch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch xét tuyển đặc cách viên chức các đơn vị sự nghiệp cấp huyện và viên chức sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo huyện Quảng Trạch, năm 2017.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các phòng: Nội vụ, Giáo dục và Đào tạo; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ (để B/c);
- CT, các PCT UBND huyện;
- Văn phòng HĐND-UBND huyện; (đăng Website);
- Phòng Nội vụ; Phòng GD&ĐT;
- Thủ trưởng các đơn vị có liên quan;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, NV



Nguyễn Xuân Đạt

KẾ HOẠCH

**Xét tuyển đặc cách viên chức các đơn vị sự nghiệp cấp huyện và viên chức
sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo huyện Quảng Trạch, năm 2017**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 222/QĐ-UBND ngày 8/9/2017 của
Ủy ban nhân dân huyện Quảng Trạch)*

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

1. Căn cứ pháp lý

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Viên chức, ngày 15/11/2010;

Căn cứ Luật Giáo dục năm 2005 ngày 14/6/2005; Luật Giáo dục sửa đổi bổ sung năm 2009 ngày 25/11/2009;

Căn cứ Nghị định số 29/2012NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức;

Căn cứ Thông tư 16/2012/TT-BNV ngày 28/12/2012 của Bộ Nội vụ ban hành Quy chế thi tuyển, xét tuyển viên chức;

Căn cứ Điều lệ trường Mầm non Ban hành kèm theo Quyết định số 04/VBHN-BGDĐT ngày 24/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Điều lệ trường Tiểu học Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông, Trường phổ thông có nhiều cấp học Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ các Thông tư liên tịch: Thông tư số 20/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 14/9/2015 của Bộ Nội vụ và Bộ GD&ĐT về việc Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên Mầm non; Thông tư số 21/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/9/2015 của Bộ Nội vụ và Bộ GD&ĐT về việc Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học công lập; Thông tư số 22/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/9/2015 của Bộ Nội vụ và Bộ GD&ĐT về việc Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên THCS công lập.

Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ Quyết định số 13/2012/QĐ-UBND, ngày 04 tháng 07 năm 2012 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định phân cấp về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh;

Căn cứ Công văn số 559/SNV-CCVC ngày 08/5/2013 của Sở Nội vụ Quảng Bình về việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung về tuyển dụng, thay đổi chức danh nghề nghiệp, đào tạo, bồi dưỡng viên chức theo Quyết định số 13/2013/UBND ngày 04/7/2013 của UBND tỉnh; Công văn số 824/SNV-CCVC ngày 10/7/2013 của Sở Nội vụ về việc tuyển dụng viên chức;

Căn cứ Công văn số 848/SNV-CCVC ngày 15/7/2013 của Sở Nội vụ về việc xét tuyển đặc cách viên chức ngành giáo dục và đào tạo theo Điều a Khoản 1 Điều 14 Nghị định số 29/2012/NĐ-CP;

Căn cứ Công văn số 220/SNV-CCVC ngày 03/3/2016 của Sở Nội vụ về việc tăng cường công tác tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh;

Căn cứ Công văn số 759/SNV-CCVC ngày 22/5/2017 của Sở Nội vụ tỉnh Quảng Bình về việc tăng cường công tác tuyển dụng viên chức;

Căn cứ Quyết định số 118/QĐ-SNV ngày 04/4/2017 của Sở Nội vụ tỉnh Quảng Bình về việc giao chỉ tiêu biên chế hành chính, biên chế sự nghiệp và hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP năm 2017 cho Sở Y tế và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Căn cứ Quyết định số 514/QĐ-UBND ngày 14/3/2017 của UBND huyện Quảng Trạch về việc giao chỉ tiêu biên chế hành chính, biên chế sự nghiệp và hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP.

Căn cứ Quyết định số 873/QĐ-UBND; Quyết định số 872/QĐ-UBND; Quyết định số 871/QĐ-UBND ngày 18/4/2017 của UBND huyện Quảng Trạch về việc giao chỉ tiêu biên chế sự nghiệp GD&ĐT cho khối Tiểu học, khối THCS, khối Mầm non năm học 2016-2017.

Căn cứ Công văn 1259/SNV-CCVC ngày 22/8/2017 của Sở Nội vụ tỉnh Quảng Bình về việc thẩm định kế hoạch xét tuyển viên chức sự nghiệp năm 2017.

2. Căn cứ thực tiễn

Căn cứ đề nghị của 34 đơn vị (5 đơn vị sự nghiệp: Trung tâm GD-DN, Trung tâm PTQĐ, Văn phòng Đăng ký QSD đất, BQL công trình công cộng, BQL Dự án ODA; 05 trường Trung học cơ sở, 12 trường Tiểu học và 01 Trung tâm GD trẻ khuyết tật, 11 trường Mầm non) có nhu cầu tuyển dụng viên chức.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Chỉ tiêu, hình thức tuyển dụng

1.1 Chỉ tiêu tuyển dụng: Tổng số: **59** chỉ tiêu tuyển dụng tại các đơn vị sự nghiệp và các đơn vị trường học thuộc khối THCS, Tiểu học, Trung tâm GD Trẻ khuyết tật, Mầm non. (có Biểu phụ lục số 1 đính kèm).

Trong đó:

- Khối đơn vị sự nghiệp cấp huyện: **11** chỉ tiêu
- Khối GD-ĐT: **48** chỉ tiêu: cụ thể
- + Khối THCS: **07** chỉ tiêu; (07 chỉ tiêu giáo viên)
- + Khối Tiểu học: **23** chỉ tiêu; (23 chỉ tiêu giáo viên)
- + Khối Mầm non: **18** chỉ tiêu; (18 chỉ tiêu giáo viên)

1.1.1 Chỉ tiêu tuyển dụng theo Điểm a, Khoản 1, Điều 14, Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 và Điểm a, Khoản 1, Điều 7 Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012 gồm: **48** chỉ tiêu

- Các đơn vị sự nghiệp huyện: **08** chỉ tiêu/65 chỉ tiêu;
- Mầm non: **18** chỉ tiêu/75 chỉ tiêu;
- Tiểu học: **16** chỉ tiêu/108 chỉ tiêu;
- Trung học cơ sở: **06** chỉ tiêu/57 chỉ tiêu.

1.1.2 Chỉ tiêu tuyển dụng theo Điểm b, Khoản 1, Điều 14, Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 và Điểm b, Khoản 1, Điều 7 Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012 gồm : **11** chỉ tiêu.

- Các đơn vị sự nghiệp cấp huyện: **03** chỉ tiêu/57 chỉ tiêu;
- Tiểu học: **07** chỉ tiêu/ 92 chỉ tiêu;
- Trung học cơ sở: **01** chỉ tiêu/ 50 chỉ tiêu.

1.2. Hình thức tuyển dụng

Tuyển dụng đặc cách người có kinh nghiệm công tác theo Điểm a, Khoản 1, Điều 14, Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ và Điểm a, Khoản 1, Điều 7, Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012; Người tốt nghiệp đại học loại giỏi, tốt nghiệp thạc sĩ, tiến sĩ theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 14, Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ; Điểm b, Khoản 1, Điều 7, Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012 bằng hình thức kiểm tra, sát hạch thông qua phỏng vấn trực tiếp về năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của người dự tuyển.

2. Vị trí việc làm cần tuyển dụng

Có chuyên ngành đào tạo và các văn bằng, chứng chỉ phù hợp với vị trí việc làm cần tuyển dụng theo quy định cụ thể: *(Có biểu phụ lục 02 đính kèm).*

3. Nội dung xét tuyển đặc cách

3.1. Đối tượng

3.1.1 Người có kinh nghiệm công tác

Đối với trường hợp xét tuyển đặc cách người có kinh nghiệm công tác: Thực hiện theo quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 14, Nghị định 29/2012/NĐ-CP và Điểm a, Khoản 1, Điều 7, Thông tư 15/2012/TT-BNV hiện đang công tác trong ngành hoặc lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp cần tuyển, có thời gian liên tục từ đủ 36 tháng trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc) thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ

có yêu cầu về trình độ, năng lực, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với vị trí việc làm cần tuyển dụng.

3.1.2 Người tốt nghiệp đại học loại giỏi; tốt nghiệp thạc sĩ, tiến sĩ

Đối với trường hợp xét tuyển đặc cách người tốt nghiệp đại học loại giỏi; tốt nghiệp thạc sĩ, tiến sĩ: Thực hiện theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 14, Nghị định 29/2012/NĐ-CP và Điểm b, Khoản 1, Điều 7, Thông tư 15/2012/TT-BNV có chuyên ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng.

3.2. Điều kiện, tiêu chuẩn

3.2.1 Điều kiện chung

a. Người có đủ các điều kiện sau đây không phân biệt dân tộc, nam, nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo được đăng ký dự tuyển viên chức:

- Có Quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam;
- Từ đủ 18 tuổi trở lên;
- Có đơn đăng ký dự tuyển;
- Có lý lịch rõ ràng;
- Có văn bằng, chứng chỉ đào tạo phù hợp với vị trí việc làm cần tuyển dụng quy định ở phụ lục 2 đính kèm;
- Đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ được giao;
- Chấp hành sự phân công công tác của UBND huyện khi được tuyển dụng. Đáp ứng các yêu cầu khác theo yêu cầu của vị trí việc làm do đơn vị sự nghiệp công lập xác định nhưng không được trái với quy định của pháp luật.

Lưu ý: Theo quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức tại các Thông tư số 20/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 14/9/2015 của Bộ Nội vụ và Bộ GD&ĐT về việc Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên Mầm non; Thông tư số 21/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/9/2015 của Bộ Nội vụ và Bộ GD&ĐT về việc Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học công lập; Thông tư số 22/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/9/2015 của Bộ Nội vụ và Bộ GD&ĐT về việc Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên THCS công lập. Sau khi được tuyển dụng vào các vị trí, nếu viên chức chưa đảm bảo các tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp cần tuyển, yêu cầu viên chức phải có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để đảm bảo đúng điều kiện, tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp được bổ nhiệm.

b. Những người sau đây không được đăng ký dự tuyển viên chức:

- Mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế hành vi năng lực dân sự;
- Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành các bản án, quyết định của Tòa án; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng.

3.2.2. Điều kiện, tiêu chuẩn cụ thể

Có văn bằng, chứng chỉ phù hợp với từng vị trí việc làm cần tuyển dụng. Cụ thể quy định tại phụ lục 02 đính kèm.

a. Đối với diện đặc cách người có kinh nghiệm công tác:

- Bảo đảm các điều kiện đăng ký dự tuyển viên chức theo quy định tại Điều 4 Nghị định 29/2012/NĐ-CP và mục 3.2.1 của Kế hoạch này.

- Bằng tốt nghiệp có chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí việc làm cần tuyển dụng. Có thời gian hợp đồng lao động làm việc tại các vị trí cần tuyển, hợp đồng giảng dạy liên tục từ đủ 36 tháng trở lên không kể thời gian tập sự, thử việc (thời gian tập sự, thử việc đối với người dự tuyển có trình độ đào tạo Đại học, Cao đẳng là 12 tháng; Trung cấp là 06 tháng, dự tuyển đối với cấp THCS là 09 tháng, cấp Tiểu học và Mầm non là 06 tháng) tại các đơn vị sự nghiệp và các cơ sở giáo dục, thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ có yêu cầu về trình độ, năng lực, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với vị trí việc làm cần tuyển. Nếu hợp đồng làm việc theo năm học và thời gian một năm học chưa đủ 12 tháng thì được cộng dồn. Trong thời gian hợp đồng này không vi phạm pháp luật đến mức xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự và được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

b. Đối với diện đặc cách người tốt nghiệp đại học loại giỏi, tốt nghiệp thạc sĩ, tiến sĩ trong nước và nước ngoài:

- Bảo đảm các điều kiện đăng ký dự tuyển viên chức theo quy định tại Điều 4 Nghị định 29/2012/NĐ-CP và mục 3.2.1 của Kế hoạch này.

- Có bằng tốt nghiệp tiến sĩ, thạc sĩ ở trong nước và nước ngoài, tốt nghiệp đại học loại giỏi có chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí việc làm cần tuyển dụng. Có bằng tốt nghiệp Đại học loại giỏi có chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí việc làm cần tuyển dụng. Người đăng ký dự tuyển có bằng tốt nghiệp thạc sĩ thì có bằng tốt nghiệp đại học đúng chuyên ngành theo yêu cầu của vị trí dự tuyển. Trường hợp sau khi tốt nghiệp đã có thời gian công tác thì phải công tác trong ngành hoặc lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp cần tuyển, trong thời gian công tác không vi phạm pháp luật đến mức xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự và được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong thời gian này.

Việc xác định tốt nghiệp đại học loại giỏi, loại xuất sắc ở trình độ đại học tại các cơ sở đào tạo ở trong nước hoặc nước ngoài được căn cứ vào xếp loại tại bằng tốt nghiệp hoặc được cơ quan có thẩm quyền quản lý về giáo dục và đào tạo xem xét, xác định.

3.3. Hồ sơ đăng ký dự tuyển

- Đơn đăng ký dự xét tuyển viên chức (theo mẫu quy định);

- Bản sơ yếu lý lịch tự thuật (dán ảnh 4 x 6), có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền trong thời gian 06 tháng, tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển;

- Bản sao các văn bằng, chứng chỉ và bảng kết quả học tập theo yêu cầu của vị trí dự tuyển, được cơ quan có thẩm quyền chứng thực. Trường hợp có văn bằng

do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công chứng dịch thuật sang tiếng Việt và được kiểm định qua Cục Khảo thí thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đối với

trường hợp thí sinh tốt nghiệp bằng Tiến sỹ, Thạc sỹ phải nộp kèm theo bản sao bằng tốt nghiệp đại học; Đối với thí sinh tốt nghiệp bằng đại học, cao đẳng hệ liên thông thì phải nộp bản sao bằng tốt nghiệp cả hai giai đoạn và phải đúng chuyên ngành cùng bảng điểm của các văn bằng đó để tham gia dự tuyển.

- Người dự tuyển diện đặc cách có kinh nghiệm công tác theo Điểm a Khoản 1, Điều 14, Nghị định 29/2012/NĐ-CP và người tốt nghiệp đại học loại giỏi, Tiến sỹ, Thạc sỹ sau khi tốt nghiệp có thời gian công tác trong ngành hoặc lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp cần tuyển: Nộp các bản hợp đồng lao động; các bản tự nhận xét, đánh giá của người dự tuyển về phẩm chất chính trị, đạo đức, trình độ và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, quá trình công tác các năm được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên và các hình thức khen thưởng (nếu có), bản nhận xét và xác nhận của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi người đó công tác được cơ quan có thẩm quyền chứng thực.

- Bản sao chứng nhận được cơ quan có thẩm quyền chứng thực thuộc đối tượng ưu tiên: Anh hùng lực lượng vũ trang, Anh hùng lao động; Thương binh; Người hưởng chính sách như thương binh; Con liệt sỹ; Con thương binh; Con của người hưởng chính sách như thương binh; Người dân tộc ít người; Đội viên thanh niên xung phong; Đội viên trí thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi từ đủ 24 tháng trở lên đã hoàn thành nhiệm vụ; Người đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự;

- Giấy chứng nhận sức khỏe còn giá trị sử dụng do cơ quan y tế đủ điều kiện được khám sức khỏe chứng nhận theo quy định tại Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06/5/2013 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn khám sức khỏe;

- Bản sao sổ bảo hiểm xã hội (nếu có) được cơ quan có thẩm quyền chứng thực và Bản kê khai quá trình đóng BHXH được cơ quan bảo hiểm cấp và có xác nhận của cơ quan đóng bảo hiểm trực tiếp của người tham gia xét tuyển.

- Hai phong bì thư có dán tem ghi rõ địa chỉ báo tin và 02 ảnh 4x6.

Lưu ý: Toàn bộ hồ sơ để vào bì lớn. Hồ sơ không được tẩy xóa. Những hồ sơ không đúng quy định, Hội đồng tuyển dụng sẽ không tiếp nhận. Hồ sơ nộp tại Phòng Nội vụ (cơ quan tiếp nhận hồ sơ); không nhận hồ sơ qua đường bưu điện; Người dự tuyển nộp 02 bộ hồ sơ. Hồ sơ dự tuyển không trả lại và không sử dụng để thực hiện xét tuyển lần sau.

3.4. Lệ phí đăng ký dự tuyển

- Lệ phí xét tuyển: 500.000 đồng/người.

- Lệ phí phúc khảo: 150.000 đồng/người.

Lệ phí xét tuyển và lệ phí phúc khảo được chi phí, quyết toán theo quy định của pháp luật.

3.5. Quy định đăng ký nguyện vọng tuyển dụng

Mỗi thí sinh chỉ được đăng ký một nguyện vọng theo vị trí việc làm đã xây dựng trong Kế hoạch này. Thí sinh nào vi phạm sẽ không được dự tuyển hoặc bị hủy bỏ kết quả tuyển dụng.

3.6. Nội dung, kiến thức liên quan đến kiểm tra, sát hạch

3.6.1. Nội dung xét tuyển

- Xét kết quả học tập gồm điểm học tập toàn khoá và điểm tốt nghiệp của người dự xét tuyển;

- Kiểm tra, sát hạch thông qua phỏng vấn trực tiếp 02 nội dung: Phần kiến thức hiểu biết chung và kiến thức về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của người dự tuyển theo vị trí việc làm cần tuyển dụng theo thang điểm 100 điểm.

3.6.2. Kiến thức liên quan đến kiểm tra, sát hạch

3.6.2.1 Kiến thức chung:

- **Đối với người dự tuyển tại các vị trí thuộc viên chức các đơn vị sự nghiệp huyện:**

+ Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010;

+ Nghị định 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

+ Nghị định 27/2012/NĐ-CP ngày 06/4/2012 của Chính phủ quy định về xử lý kỷ luật đối với viên chức và trách nhiệm bồi thường, hoàn trả của viên chức.

+ Quyết định số 03/2007/QĐ-BNV ngày 26/2/2007 của Bộ Nội vụ về việc ban hành Quy tắc xử sự của cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong bộ máy chính quyền địa phương.

- **Đối với người dự tuyển tại các vị trí thuộc viên chức sự nghiệp GD-ĐT**

+ Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010;

+ Luật Giáo dục của Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam số 38/2005/QH12, ngày 14/6/2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục số 44/2009/QH12 ngày 25/11/2009; Văn bản hợp nhất Luật Giáo dục số 07/VBHN-VPQH của Văn phòng Quốc hội ngày 31 tháng 12 năm 2015;

+ Nghị định 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

+ Quy định về Đạo đức nhà giáo (Ban hành kèm theo Quyết định số 16/2008/QĐ-BGDĐT ngày 16/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

3.6.2.2 Kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ

a. Đối với người đăng ký dự tuyển vị trí viên chức Kế toán tại Văn phòng ĐK QSD đất, BQL Dự án ODA:

- Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 của Quốc Hội;

- Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015 của Quốc Hội.

- Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

b. Đối với người đăng ký dự tuyển vị trí phụ trách Công nghệ thông tin:

- Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11 ngày 29/6/2006;

- Nghị định 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

- Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26/10/2015 về phê duyệt chương trình quốc gia về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan Nhà nước giai đoạn 2016-2020;

c. Đối với người dự tuyển vị trí viên chức phụ trách giám sát, kiểm tra thẩm định các công trình xây dựng, thủy lợi, thủy điện tại BQL Dự án ODA

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý Dự án- Đầu tư xây dựng; Nghị định 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý Dự án - Đầu tư xây dựng;

- Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.

d. Đối với người dự tuyển vị trí viên chức Hành chính -Tổng hợp tại BQL Dự án ODA:

- Nghị định 110/2004/NĐ-CP ngày 08/4/2004 của Chính phủ về công tác văn thư;

- Nghị định số 09/2010/2010/NĐ-CP ngày 08/02/2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 110/2004/NĐ-CP ngày 08/4/2004 của Chính phủ về công tác văn thư;

- Thông tư 01/2011/TT-BNV ngày 10/02/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thể thức và kỹ thuật trình bày và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính.

e. Đối với người dự tuyển vị trí viên chức phụ trách trồng và chăm sóc cây xanh đô thị:

- Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/6/2014;

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;

- Nghị định 64/2010/NĐ-CP ngày 16/11/2010 của Chính phủ về Quản lý cây xanh đô thị.

g. Đối với người dự tuyển vị trí viên chức phụ trách quản lý, vận hành bãi chôn lấp rác thải sinh hoạt:

- Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/6/2014;

- Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 9/4/2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn;

- Nghị định 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu.

h. Đối với người dự tuyển vị trí viên chức phụ trách giải phóng mặt bằng các dự án, công trình trên địa bàn huyện:

- Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013; ✓

- Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

- Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

i. Đối với người đăng ký dự tuyển vị trí giáo viên Mầm non

- Điều lệ trường Mầm non (*Ban hành kèm theo Quyết định số 04/VBHN-BGDĐT ngày 24/12/2015*);

- Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 của Bộ Giáo dục & Đào tạo Ban hành chương trình Giáo dục mầm non; Thông tư 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư 17/2009/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Quy định về chuẩn nghề nghiệp giáo viên Mầm non (*Ban hành kèm theo Quyết định số 02/2008/QĐ-BGDĐT ngày 22/01/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*).

k. Đối người đăng ký dự tuyển vị trí giáo viên Tiểu học và Trung tâm GD trẻ KT:

- Điều lệ trường Tiểu học (*Ban hành kèm theo VBHN số 03/VBHN-BGDĐT ngày 22/01/2014*);

- Quy định đánh giá học sinh Tiểu học (*Ban hành kèm theo VBHN số 03/VBHN-BGDĐT ngày 28/9/2016 của Bộ GDĐT quy định đánh giá học sinh tiểu học*).

- Quy định về chuẩn nghề nghiệp giáo viên Tiểu học (*Ban hành kèm theo Quyết định số 14/2007/QĐ-BGDĐT ngày 04/5/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo*).

l. Đối người đăng ký dự tuyển vị trí giáo viên THCS và Trung tâm GD-DN:

- Điều lệ trường Trung học cơ sở, trường Trung học phổ thông, và trường Phổ thông có nhiều cấp học (*Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*);

- Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh THCS và học sinh THPT (Ban hành kèm theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục &ĐT).

- Quy định chuẩn nghề nghiệp Giáo viên THCS, Giáo viên trung học phổ thông (*Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2009/TT-BGDĐT ngày 22/10/2009 của Bộ Giáo dục & Đào tạo*).

3.7. Cách tính điểm

- Điểm học tập (ĐHT) được xác định bằng trung bình cộng kết quả các môn học trong toàn bộ quá trình học tập của người dự xét tuyển ở trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí dự tuyển và được quy đổi theo thang điểm 100, tính hệ số 1. ✓

- Điểm tốt nghiệp (ĐTN) được xác định bằng trung bình cộng kết quả các môn thi tốt nghiệp hoặc điểm bảo vệ luận văn của người dự xét tuyển và được quy đổi theo thang điểm 100, tính hệ số 1.

- Trường hợp người dự xét tuyển được đào tạo theo hệ thống tín chỉ thì điểm học tập (ĐHT) đồng thời là điểm tốt nghiệp (ĐTN) và được quy đổi theo thang điểm 100, tính hệ số 2.

- Điểm phỏng vấn được tính theo thang điểm 100 và tính hệ số 2.

- Kết quả xét tuyển (KQXT) là tổng số điểm của điểm học tập (ĐHT), điểm tốt nghiệp (ĐTN), điểm phỏng vấn (ĐPV) đã tính theo hệ số quy định.

$$\mathbf{KQXT = ĐHT + ĐTN + ĐPV \times 2}$$

Trường hợp người dự xét tuyển được đào tạo theo hệ thống tín chỉ thì kết quả xét tuyển là tổng số điểm được tính: $\mathbf{KQXT = ĐHT \times 2 + ĐPV \times 2}$

3.8. Xác định người trúng tuyển

Người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển đặc cách viên chức phải có đủ các điều kiện sau đây:

- Có hồ sơ đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định;

- Có điểm học tập, điểm tốt nghiệp và điểm phỏng vấn, sát hạch mỗi loại đạt từ 50 điểm trở lên.

- Người trúng tuyển là người có tổng điểm xét tuyển cao hơn lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp đến hết chỉ tiêu được tuyển dụng của từng vị trí việc làm.

- Trường hợp có từ 02 người trở lên có đủ điều kiện và kết quả xét tuyển bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng cần tuyển dụng thì người có điểm phỏng vấn cao hơn là người trúng tuyển; nếu điểm phỏng vấn bằng nhau thì người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng viên chức quyết định người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên quy định tại Khoản 2, Điều 10, Nghị định 29/2012/NĐ-CP như sau:

+ Anh hùng lực lượng vũ trang, Anh hùng lao động;

+ Thương binh;

+ Người hưởng chính sách như thương binh; Con liệt sĩ; Con thương binh;

+ Con của người hưởng chính sách như thương binh;

+ Người dân tộc ít người;

+ Đội viên thanh niên xung phong;

+ Đội viên tri thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi từ đủ 24 tháng trở lên đã hoàn thành nhiệm vụ;

+ Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự;

+ Người dự tuyển là nữ. ✓

- Trường hợp vẫn không xác định được người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên nêu trên thì người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng viên chức quyết định người trúng tuyển.

- Không thực hiện bảo lưu kết quả xét tuyển cho các kỳ xét tuyển lần sau.

4. Quy trình, thời gian và các bước tiến hành xét tuyển đặc cách

4.1. Quy trình xét tuyển đặc cách

4.1.1. UBND huyện thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch. Hội đồng kiểm tra, sát hạch thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Khoản 3, Điều 6, Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ và Khoản 3, Điều 8, Thông tư 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012 của Bộ Nội vụ. Hội đồng kiểm tra, sát hạch tham mưu xây dựng quy trình thực hiện kỳ xét tuyển.

- Hội đồng kiểm tra, sát hạch quyết định thành lập Ban phỏng vấn, sát hạch; Tổ chuẩn bị đề, đáp án; Tổ giúp việc; Tổ kiểm tra, thẩm định hồ sơ.. để thực hiện các nhiệm vụ của kỳ xét tuyển.

- Hội đồng kiểm tra, sát hạch: Kiểm tra về các điều kiện, tiêu chuẩn, văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển; kiểm tra, sát hạch thông qua phỏng vấn với các nội dung được quy định trong kế hoạch.

- Hội đồng Kiểm tra, sát hạch tiến hành tổng hợp kết quả xét tuyển của người dự tuyển và dự kiến danh sách người trúng tuyển. Báo cáo Chủ tịch UBND huyện về kết quả tuyển dụng của người dự tuyển và danh sách dự kiến người trúng tuyển.

- Hội đồng kiểm tra, sát hạch làm việc theo nguyên tắc tập thể, biểu quyết theo đa số; chịu trách nhiệm trước pháp luật và UBND huyện về kết quả xét tuyển và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

4.1.2. Ban Giám sát kỳ tuyển dụng được Chủ tịch UBND huyện thành lập để giám sát tổ chức và hoạt động của Hội đồng kiểm tra, sát hạch và các Ban giúp việc của Hội đồng.

4.2. Thông báo xét tuyển và tiếp nhận hồ sơ

- Phòng Nội vụ phối hợp với Văn phòng HĐND&UBND huyện thông báo công khai trên trang thông tin điện tử của huyện Quảng Trạch tại địa chỉ <https://quangtrach.quangbinh.gov.vn>, niêm yết tại trụ sở UBND huyện Quảng Trạch, phòng Nội vụ huyện Quảng Trạch, các phòng chuyên môn và đơn vị sự nghiệp huyện nơi có nhu cầu xét tuyển đặc cách viên chức sự nghiệp về tiêu chuẩn, điều kiện, số lượng cần tuyển dụng, thời hạn và địa điểm tiếp nhận hồ sơ của người đăng ký dự tuyển.

- Phòng Nội vụ tham mưu cho UBND huyện thực hiện các quy trình, thủ tục xét tuyển đặc cách theo quy định hiện hành,; phát hành và thu nhận hồ sơ người dự tuyển và bàn giao toàn bộ hồ sơ cho Hội đồng Kiểm tra, sát hạch.

4.3. Dự kiến lịch tổ chức xét tuyển

- Ngày 20 tháng 9 năm 2017: Niêm yết công khai danh sách những người đủ điều kiện dự xét tuyển tại UBND huyện Quảng Trạch, Phòng Nội vụ huyện, các

phòng chuyên môn và trang thông tin điện tử của UBND huyện. Thông báo triệu tập những người đăng ký dự tuyển đến kiểm tra, sát hạch;

- Chuẩn bị địa điểm để Hội đồng kiểm tra, sát hạch làm việc;
- Ngày 30 tháng 9 năm 2017: Tổ chức kiểm tra, sát hạch đối với những người đăng ký dự tuyển;
- Địa điểm: Tại Trường Tiểu học số 2 Quảng Xuân.

4.4. Thông báo kết quả xét tuyển

a. Kết quả tuyển dụng: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả xét tuyển của Hội đồng Kiểm tra, Sát hạch, Chủ tịch UBND huyện niêm yết công khai kết quả xét tuyển tại trụ sở UBND huyện, phòng Nội vụ thông báo trên trang thông tin điện tử của UBND huyện Quảng Trạch;

b. Giải quyết khiếu nại, tố cáo và phúc khảo:


Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày công bố công khai và gửi kết quả xét tuyển đến người dự tuyển theo địa chỉ ghi trên bì thư khi nộp hồ sơ dự tuyển, người dự tuyển có quyền gửi đơn đề nghị phúc khảo kết quả xét tuyển. Chỉ xem xét giải quyết việc phúc khảo được gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến cơ quan UBND huyện, không giải quyết đơn đề nghị phúc khảo nhận được sau thời gian quy định trên (tính theo ngày trên dấu bưu điện) và đơn đề nghị phúc khảo gửi bằng thư điện tử, Fax, Telex. Chủ tịch UBND huyện có trách nhiệm tổ chức phúc khảo lại kết quả xét tuyển trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày hết hạn nhận đơn đề nghị phúc khảo. Không thực hiện phúc khảo đối với nội dung phỏng vấn hoặc thực hành. Chủ tịch Hội đồng kiểm tra, sát hạch quyết định thành lập Ban phúc khảo, không bao gồm những thành viên đã tham gia vào ban phỏng vấn, sát hạch. Ban phúc khảo chỉ xem xét lại việc tình điểm học tập, điểm tốt nghiệp là cơ sở tổng hợp kết quả xét tuyển của thí sinh.

c. Phê duyệt kết quả: Sau khi Hội đồng Kiểm tra, sát hạch tổng hợp kết quả xét tuyển và dự kiến trúng tuyển theo quy định, báo cáo kết quả trình Chủ tịch UBND huyện, phê duyệt kết quả xét tuyển.

Hoàn tất hồ sơ và có văn bản trình Sở Nội vụ thẩm định quá trình xét tuyển đặc cách, phê duyệt kết quả tuyển dụng và thông báo công nhận kết quả trúng tuyển bằng văn bản tới người dự tuyển theo địa chỉ mà người dự tuyển đã đăng ký sau khi có kết quả thẩm định của Sở Nội vụ.

5. Quyết định tuyển dụng và nhận việc

- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả xét tuyển, UBND huyện gửi thông báo công nhận kết quả trúng tuyển bằng văn bản tới người dự tuyển qua đường bưu điện theo địa chỉ mà người dự tuyển đã đăng ký và thông báo công khai tại trụ sở làm việc và trên trang thông tin điện tử của UBND huyện.

- Người trúng tuyển viên chức phải đến ký hợp đồng làm việc và nhận việc theo quy định. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm thẩm tra, xác minh văn bằng, chứng chỉ của người trúng tuyển bảo đảm chính xác theo quy định của pháp luật trước khi ký kết hợp đồng làm việc với người trúng tuyển viên chức. 

- Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập phát hiện người trúng tuyển viên chức sử dụng văn bằng, chứng chỉ không hợp pháp thì người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập không thực hiện việc ký kết hợp đồng làm việc và có văn bản gửi Chủ tịch UBND huyện để hủy bỏ kết quả trúng tuyển.

- Trường hợp người trúng tuyển bị hủy bỏ kết quả trúng tuyển hoặc chấm dứt hợp đồng đã ký kết theo quy định thì Chủ tịch UBND huyện quyết định tuyển dụng người có kết quả tuyển dụng thấp hơn liền kề ở vị trí tuyển dụng đó, nếu người đó đảm bảo có đủ các điều kiện theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 13 Nghị định số 29/2012/NĐ-CP.

Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả tuyển dụng thấp hơn liền kề bằng nhau thì Chủ tịch UBND huyện quyết định trúng tuyển theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3, Điều 13 Nghị định 29/2012/NĐ-CP.

6. Ký kết hợp đồng làm việc

6.1. Chậm nhất sau 20 ngày làm việc, kể từ ngày công bố kết quả xét tuyển, người trúng tuyển phải đến ký hợp đồng làm việc với đơn vị được ghi trong thông báo.

6.2. Trong thời hạn chậm nhất là 20 ngày làm việc, kể từ ngày hợp đồng làm việc được ký kết, người trúng tuyển phải đến nhận việc trừ trường hợp hợp đồng làm việc quy định thời hạn khác. Trường hợp người trúng tuyển có lý do chính đáng mà không thể đến nhận việc thì phải làm đơn xin gia hạn trước khi kết thúc thời hạn nêu trên gửi cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức.

6.3. Trường hợp người trúng tuyển không đến ký hợp đồng làm việc trong thời hạn quy định tại điểm 6.1. của Mục này hoặc đến nhận việc sau thời hạn quy định tại điểm 6.2 của Mục này thì Chủ tịch UBND huyện hủy bỏ kết quả trúng tuyển hoặc yêu cầu chấm dứt hợp đồng đã ký kết và tuyển dụng người có kết quả tuyển dụng kế tiếp.

7. Phân công và tổ chức thực hiện

7.1 Phòng Nội vụ

- Tham mưu thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch; Ban Giám sát kỳ xét tuyển.

- Là cơ quan thường trực Hội đồng kiểm tra, sát hạch, tham mưu giúp Hội đồng kiểm tra, sát hạch tổ chức thực hiện Kế hoạch xét tuyển đặc cách viên chức, chịu trách nhiệm thông báo chỉ tiêu, điều kiện, lịch xét tuyển và các loại hồ sơ có liên quan, đăng ký thông báo trên thông tin đại chúng ... để mọi người biết và thực hiện.

- Tổ chức tiếp nhận hồ sơ. Thu lệ phí xét tuyển theo thời gian quy định của Hội đồng kiểm tra, sát hạch, tổng hợp lệ phí báo cáo Hội đồng kiểm tra, sát hạch.

- Chủ trì phối hợp với các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp có chỉ tiêu tuyển dụng xây dựng bộ câu hỏi giới hạn ôn tập đảm bảo theo quy định. Các cơ quan được giao chuẩn bị đề phỏng vấn phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Pháp luật về ngân hàng đề, đáp án phỏng vấn được giao.

- Lập dự trù kinh phí tổ chức xét tuyển theo đúng quy định.

7.2. Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp huyện nơi có nhu cầu xét tuyển đặc cách viên chức sự nghiệp phối hợp phòng Nội vụ, Hội đồng xét tuyển chuẩn bị câu hỏi ôn

tập kiến thức chuyên ngành, đáp án và một số nội dung liên quan trong quá trình thực hiện xét tuyển.

7.3 Trưởng phòng Nội vụ, Thủ trưởng các phòng chuyên môn và đơn vị sự nghiệp có nhu cầu xét tuyển đặc cách viên chức; Hội đồng kiểm tra, sát hạch huyện Quảng Trạch và thí sinh dự tuyển căn cứ Kế hoạch này để thực hiện./✓

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Xuân Đạt



**TỔNG HỢP
SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG ĐƠN VỊ
VÀ NHU CẦU XÉT TUYỂN ĐẶC CÁCH VIÊN CHỨC NĂM 2017**

(Kèm theo Quyết định số 2229/QĐ-UBND ngày 8/9/2017 của UBND huyện Quảng Trạch)

TT	Tên đơn vị trực thuộc	Số lượng người làm việc được giao năm 2017	Số lượng người làm việc hiện có đến 01/7/2017	Số lượng người làm việc còn chưa tuyển dụng	Đăng ký tuyển dụng	Hình thức tuyển dụng		Ghi chú
						Thi tuyển	Xét tuyển	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
I	Sự nghiệp GD-ĐT	929	776	153	48	0		
	Khối THCS	170	146	24	7			
1	THCS Quảng Phú	36	31	5	1		XTĐC	
2	THCS Quảng Xuân	44	37	7	1		XTĐC	
3	THCS Quảng Tùng	29	21	8	3		XTĐC	
4	THCS Quảng Phương	33	31	2	1		XTĐC	
5	THCS Quảng Lưu	28	26	2	1		XTĐC	
	Khối Tiểu học	390	321	69	23	0		
1	TH Quảng Hợp	44	35	9	2		XTĐC	
2	TH Quảng Kim	23	20	3	2		XTĐC	
3	TH Quảng Đông	33	26	7	3		XTĐC	
4	TH số 2 Quảng Phú	17	16	1	1		XTĐC	
5	TH Quảng Tùng	33	25	8	3		XTĐC	
6	TH số 1 Quảng Xuân	39	32	7	2		XTĐC	
7	TH số 2 Quảng Xuân	26	21	5	1		XTĐC	
8	TT GD Trẻ Khuyết tật	35	29	6	2		XTĐC	
9	TH Quảng Liên	21	18	3	1		XTĐC	
10	TH Quảng Phương A	23	20	3	1		XTĐC	
11	TH Quảng Lưu	34	24	10	3		XTĐC	
12	TH Cảnh Hóa	27	25	2	1		XTĐC	
13	TH số 1 Quảng Phú	35	30	5	1		XTĐC	
	Khối Mầm non	369	309	60	18	0		
1	MN Quảng Phú	43	39	4	2		XTĐC	
2	MN Quảng Đông	33	27	6	2		XTĐC	
3	MN Quảng Tùng	34	27	7	1		XTĐC	

TT	Tên đơn vị trực thuộc	Số lượng người làm việc được giao năm 2017	Số lượng người làm việc hiện có đến 01/7/2017	Số lượng người làm việc còn chưa tuyển dụng	Đăng ký tuyển dụng	Hình thức tuyển dụng		Ghi chú
						Thi tuyển	Xét tuyển	
I	2	3	4	5	6	7	8	9
4	MN Quảng Châu	40	36	4	1		XTĐC	
5	MN Quảng Hưng	37	31	6	2		XTĐC	
6	MN Quảng Xuân	41	36	5	2		XTĐC	
7	MN Quảng Thanh	26	23	3	1		XTĐC	
8	MN Quảng Liên	22	15	7	1		XTĐC	
9	MN Phù Hoá	22	19	3	1		XTĐC	
10	MN Cảnh Dương	46	38	8	3		XTĐC	
11	MN Quảng Kim	25	18	7	2		XTĐC	
II	ĐV sự nghiệp huyện	93	55	38	11	0		
1	Trung tâm GD-DN	22	15	7	1		XTĐC	
2	Trung tâm Phát triển Quỹ đất	16	6	10	1		XTĐC	
3	Văn phòng ĐKQSDĐ	12	10	2	2		XTĐC	
4	Ban Quản lý các CTCC	5	3	2	2		XTĐC	
5	BQL Dự án ODA	38	21	17	5		XTĐC	
Tổng		1022	831	191	59	0		

Có 59 chỉ tiêu tuyển dụng./.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 02

TỔNG HỢP

VỊ TRÍ VIỆC LÀM, TIÊU CHUẨN CHỨC DANH NGHIỆP NGHIỆP,
ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VIÊN CHỨC BẢNG HÌNH THỨC XÉT TUYỂN ĐẶC CÁCH
THEO ĐIỂM a, ĐIỂM b, KHOẢN 1, ĐIỀU 14 NGHỊ ĐỊNH 29/2012/NĐ-CP - NĂM 2017
(Kèm theo Quyết định số 229/QĐ-UBND ngày 8/9/2017 của Ủy ban nhân dân huyện Quảng Trạch)

Mã số dự tuyển	Hạng chức danh nghề nghiệp, mã số chức danh viên chức	Chỉ tiêu tuyển dụng	Vị trí việc làm		Trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng lực theo yêu cầu	Tin học	Ngoại ngữ	Ghi chú
			Chức danh	Đơn vị				
1	2	3	4	5	6	7	9	
I.								
Vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đối với người dự tuyển có kinh nghiệm công tác trong ngành, lĩnh vực cần tuyển (36 tháng trở lên) theo quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 14, Nghị định 29/2012/NĐ-CP								
Khối Mầm non								
MN01	GV MN hạng IV, V.07.02.06	2	Giáo viên Mầm non	MN Quảng Đông	Trung cấp sư phạm (GD) Mầm non			
MN02	GV MN hạng IV, V.07.02.06	1	Giáo viên Mầm non	MN Quảng Tùng	Trung cấp sư phạm (GD) Mầm non			
MN03	GV MN hạng IV, V.07.02.06	1	Giáo viên Mầm non	MN Quảng Liên	Trung cấp sư phạm (GD) Mầm non			
MN04	GV MN hạng IV, V.07.02.06	2	Giáo viên Mầm non	MN Quảng Hưng	Trung cấp sư phạm (GD) Mầm non			
MN05	GV MN hạng IV, V.07.02.06	2	Giáo viên Mầm non	MN Quảng Xuân	Trung cấp sư phạm (GD) Mầm non			
MN06	GV MN hạng IV, V.07.02.06	2	Giáo viên Mầm non	MN Quảng Phú	Trung cấp sư phạm (GD) Mầm non			
MN07	GV MN hạng IV, V.07.02.06	1	Giáo viên Mầm non	MN Quảng Thanh	Trung cấp sư phạm (GD) Mầm non			
MN08	GV MN hạng IV, V.07.02.06	1	Giáo viên Mầm non	MN Quảng Châu	Trung cấp sư phạm (GD) Mầm non			
MN09	GV MN hạng IV, V.07.02.06	2	Giáo viên Mầm non	MN Cảnh Dương	Trung cấp sư phạm (GD) Mầm non			
MN 10	GV MN hạng IV, V.07.02.06	2	Giáo viên Mầm non	MN Quảng Kim	Trung cấp sư phạm (GD) Mầm non			
						Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc Chứng chỉ B trở lên		
						Có trình độ Ngoại ngữ bậc 1 theo quy định tại Thông tư 01/2014/TT-BGD-ĐT ngày 24/01/2014 hoặc Chứng chỉ B trở lên		

Mã số dự tuyển	Hạng chức danh nghề nghiệp, mã số chức danh viên chức	Chỉ tiêu tuyển dụng	Vị trí việc làm		Trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng lực theo yêu cầu	Tin học	Ngoại ngữ	Ghi chú
			Chức danh	Đơn vị				
1	2	3	4	5	6	7	9	
MN 11	GV MN hạng II, V.07.02.04	1	Giáo viên Mầm non	MN: Phú Hòa	DH sư phạm (GD) Mầm non	Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc Chứng chỉ B trở lên	Có trình độ Ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư 01/2014/TT-BGD-ĐT ngày 24/01/2014 hoặc Chứng chỉ B trở lên	
MN 12	GV MN hạng III, V.07.02.05	1	Giáo viên Mầm non	MN Cảnh Dương	Cao đẳng GD Mầm non	Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc Chứng chỉ B trở lên	Có trình độ Ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư 01/2014/TT-BGD-ĐT ngày 24/01/2014 hoặc Chứng chỉ B trở lên	
Khởi Tiểu học								
16								
TH 01	GV TH hạng II, V.07.03.07	1	Giáo viên dạy 9 môn	TH Quảng Kim	Đại học ngành sư phạm (GD) Tiểu học			
TH 02	GV TH hạng II, V.07.03.07	1	Giáo viên dạy 9 môn	TH Cảnh Hòa	Đại học sư phạm tiểu học hoặc Đại học GD tiểu học (Có Chứng chỉ NV SP)			
TH 03	GV TH hạng II, V.07.03.07	2	Giáo viên dạy 9 môn	TT GD Tré KT	Đại học GD đặc biệt, (có giấy chứng nhận liên quan về các loại tật, chương trình hoà nhập cho trẻ khuyết tật)			
TH 04	GV TH hạng III, V.07.03.08	1	Giáo viên dạy 9 môn	TH Quảng Phương A	Cao đẳng sư phạm (GD) Tiểu học		Có trình độ Ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư 01/2014/TT-BGD-ĐT ngày 24/01/2014 hoặc Chứng chỉ B trở lên	
TH 05	GV TH hạng II, V.07.03.07	1	Giáo viên Thê dục	TH Quảng Lưu	Đại học GD Thê chất- CCDB			
TH 06	GV TH hạng II, V.07.03.07	1	Giáo viên Thê dục	TH số 1 Quảng Xuân	Cử nhân GD Thê chất (có Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm)	Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc Chứng chỉ B trở lên		
TH 07	GV TH hạng II, V.07.03.07	1	Giáo viên dạy 9 môn	TH số 1 Quảng Xuân	Đại học GD Tiểu học			
TH 08	GV TH hạng II, V.07.03.07	1	Giáo viên dạy 9 môn	TH Quảng Tùng	Đại học sư phạm Tiểu học			
TH 09	GV TH hạng II, V.07.03.07	2	Giáo viên dạy 9 môn	TH Quảng Hợp	Đại học sư phạm Tiểu học			
TH 10	GV TH hạng III, V.07.03.08	1	Giáo viên dạy 9 môn	TH Quảng Kim	Cao đẳng sư phạm (GD) Tiểu học			
TH 11	GV TH hạng III, V.07.03.08	1	Giáo viên Mỹ thuật	TH Quảng Liên	Cao đẳng sư phạm Mỹ thuật			
TH 12	GV TH hạng IV, V.07.03.09	2	Giáo viên dạy 9 môn	TH Quảng Đông	Trung cấp sư phạm (GD) Tiểu học		Có trình độ Ngoại ngữ bậc 1 theo quy định tại Thông tư 01/2014/TT-BGD-ĐT ngày 24/01/2014 hoặc Chứng chỉ B trở lên	
TH 13	GV TH hạng IV, V.07.03.09	1	Giáo viên dạy 9 môn	TH Quảng Lưu	Trung cấp sư phạm (GD) Tiểu học			

Mã số dự tuyển	Hạng chức danh nghề nghiệp, mã số chức danh viên chức	Chỉ tiêu tuyển dụng	Vị trí việc làm		Trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng lực theo yêu cầu	Chí chú	
			Chức danh	Đơn vị			
1	2	3	4	5	6	7	9
Khối THCS							
CS 01	GV THCS hạng II, V.07.04.11	1	Giáo viên dạy Ngữ văn	THCS Quảng Lưu	Đại học sư phạm Ngữ văn, hoặc Cử nhân Văn học (có Chứng chỉ NVSP)		
CS 02	GV THCS hạng II, V.07.04.11	1	Giáo viên kiêm Tổng phụ trách Đội	THCS Quảng Phương	DHSP Lịch sử-GDQP (có chứng chỉ NVSP, chứng chỉ Đoàn-Đội)		
CS 03	GV THCS hạng II, V.07.04.11	1	Giáo viên dạy Ngữ văn	THCS Quảng Xuân	Đại học sư phạm Ngữ văn hoặc DH Văn học (có chứng chỉ NVSP)		
CS 04	GV THCS hạng II, V.07.04.11	1	Giáo viên Thể dục	THCS Quảng Tùng	Đại học sư phạm GD Thể chất Quốc phòng		
CS 05	GV THCS hạng II, V.07.04.11	1	Giáo viên dạy Lịch sử	THCS Quảng Tùng	Đại học sư phạm Lịch sử hoặc Cử nhân Lịch sử (có CCNVSP)		
CS 06	GV THCS hạng II, V.07.04.11	1	Giáo viên dạy Toán - Lý	THCS Quảng Phú	Đại học SP Toán - Lý		
Đơn vị sự nghiệp huyện							
DV 01	Kế toán viên mã số ngạch 06.031	1	Kế toán viên	Văn phòng Đăng ký QSD đất	Đại học chuyên ngành hoặc ngành kế toán, Kiểm toán hoặc Cử nhân kinh tế chuyên ngành Tài chính-Ngân hàng, (có Chứng chỉ Bồi dưỡng Kế toán trưởng)		
DV 02	Kỹ sư (hạng III), mã số ngạch V.05.02.07	1	Phụ trách Công nghệ thông tin		Kỹ sư ngành Công nghệ thông tin; (có Chứng chỉ chuyên viên mạng CISCO-CCNA)	Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc Chứng chỉ B trở lên	Có trình độ Ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư 01/2014/TT-BGD-ĐT ngày 24/01/2014 hoặc Chứng chỉ B trở lên
DV 03	Kế toán viên mã số ngạch 06.031	2	Kế toán viên	BQL Dự án ODA	Đại học chuyên ngành hoặc ngành Kế toán, kiểm toán hoặc Cử nhân Tài chính- Ngân hàng, Cử nhân Quản trị kinh doanh, (có Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ đầu thầu)		

Mã số dự tuyển	Hạng chức danh nghề nghiệp, mã số chức danh viên chức	Chỉ tiêu tuyển dụng	Vị trí việc làm		Trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng lực theo yêu cầu	Ghi chú		
			Chức danh	Đơn vị				
1	2	3	4		5	6	7	9
DV 04	Kỹ sư (hạng III), mã số ngạch V.05.02.07	2	Giám sát, thẩm định, kiểm tra theo dõi công trình xây dựng, công trình thủy lợi, thủy điện	BQL Dự án ODA	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành hoặc ngành Kỹ sư xây dựng Công nghiệp công trình nông thôn; Kỹ sư Xây dựng Thủy lợi - Thủy điện, (có Chứng chỉ BD nghiệp vụ đánh giá Dự án đầu tư, Bồi dưỡng NV Giám sát thi công, các loại chứng chỉ giám sát thi công, XD công trình)	Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc Chứng chỉ B trở lên	Có trình độ Ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư 01/2014/TT-BGD-ĐT ngày 24/01/2014 hoặc Chứng chỉ B trở lên	
DV 05	Kỹ sư (hạng III), mã số ngạch V.05.02.07	1	Đội trưởng đội trồng và chăm sóc cây xanh đô thị	BQL các công trình công cộng	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành hoặc ngành Kinh tế - Kế toán, (Có chứng chỉ tạo dáng, chăm sóc cây cảnh)	Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc Chứng chỉ B trở lên	BGD-ĐT ngày 24/01/2014 hoặc Chứng chỉ B trở lên	
DV 06	Kỹ sư (hạng III), mã số ngạch V.05.02.07	1	Phụ trách giai phóng mặt bằng các dự án, công trình.	Trung tâm Phát triển Quỹ đất	Cử nhân kinh tế ngành Tài chính-Ngân hàng (Giấy chứng nhận BD nghiệp vụ định giá xây dựng; đang học Văn bằng 2 Quản lý đất đai)			
II. <i>Vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp cần tuyển đối với người tốt nghiệp Đại học loại giỏi (chính quy), tốt nghiệp Tiên sỹ, thạc sỹ có vị trí việc làm cần tuyển dụng theo Điểm b, Khoản 1, Điều 14, Nghị định 29/2012/NĐ-CP</i>								
			<i>Khối Tiểu học</i>					
TH 14	GV TH hạng II, V.07.03.07	1	Giáo viên dạy 9 môn	TH Quảng Đông	Tốt nghiệp Đại học GD tiểu học loại giỏi			
TH 15	GV TH hạng II, V.07.03.07	1	Giáo viên dạy 9 môn	TH Quảng Lưu	Tốt nghiệp Đại học GD tiểu học loại giỏi			
TH 16	GV TH hạng II, V.07.03.07	2	Giáo viên dạy 9 môn	TH Quảng Tùng	Tốt nghiệp Đại học GD tiểu học loại giỏi	Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc Chứng chỉ B trở lên	Có trình độ Ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư 01/2014/TT-BGD-ĐT ngày 24/01/2014 hoặc Chứng chỉ B trở lên	
TH 17	GV TH hạng II, V.07.03.07	1	Giáo viên dạy 9 môn	TH số 2 Quảng Xuân	Tốt nghiệp Đại học GD tiểu học loại giỏi			
TH 18	GV TH hạng II, V.07.03.07	1	Giáo viên dạy 9 môn	TH số 2 Quảng Phú	Tốt nghiệp Đại học GD tiểu học loại giỏi			
TH 19	GV TH hạng II, V.07.03.07	1	Giáo viên dạy 9 môn	TH số 1 Quảng Phú	Tốt nghiệp Đại học GD tiểu học loại giỏi			

Mã số dự tuyển	Hạng chức danh nghề nghiệp, mã số chức danh viên chức	Chỉ tiêu tuyển dụng	Vị trí việc làm		Trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng lực theo yêu cầu	Tin học	Ngoại ngữ	Ghi chú
			Chức danh	Đơn vị				
1	2	3	4		5	6	7	9
Khối THCS								
CS08	GV THCS hạng II, V.07.04.11	1	Giáo viên dạy Ngữ văn	THCS Quảng Tùng	Tốt nghiệp Thạc sỹ ngành Lý luận Văn học			
Đơn vị sự nghiệp huyện								
DV 07	Nhân viên, mã số ngạch 01.005	1	Nhân viên Hành chính - tổng hợp tại Ban quản lý dự án	BQL Dự án ODA	Tốt nghiệp Đại học loại giỏi ngành Cử nhân Luật (có Chứng chỉ BD nghiệp vụ đánh giá Dự án đầu tư)	Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc Chứng chỉ B trở lên	Có trình độ Ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 hoặc Chứng chỉ B trở lên	
DV 08	Kỹ sư (hạng III), mã số ngạch V.05.02.07	1	Đội trưởng đội quản lý, vận hành bãi chôn lấp rác thải sinh hoạt	BQL các công trình công cộng	Tốt nghiệp Đại học giỏi ngành Kỹ sư Công nghệ Kỹ thuật môi trường			
DV 09	Giáo viên Trung học phổ thông hạng III, mã số ngạch V.07.05.15	1	Giáo viên dạy Địa lý	Trung tâm GD-DN	Tốt nghiệp Đại học loại giỏi ngành Sư phạm Địa lý			

Chi tiêu tuyển dụng gồm: 59 chi tiêu. Trong đó:

- + Chi tiêu tuyển dụng theo Điểm a, khoản 1, Điều 14, Nghị định 29/2012/NĐ-CP: 48 chi tiêu
- + Chi tiêu tuyển dụng theo Điểm b, khoản 1, Điều 14, Nghị định 29/2012/NĐ-CP: 11 chi tiêu